

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN
CÔNG TY TNHH MTV**

MST: 0 3 0 3 1 5 8 1 5 5

(Không bao gồm số liệu công ty con)

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1.	BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC	1 - 3
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
3.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
	- Bảng cân đối kế toán	6 - 9
	- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
	- Thuyết minh các báo cáo tài chính	13 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017.

1- Khái quát về Công ty

Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn là doanh nghiệp nhà nước (từ tháng 1 đến tháng 8/2010); là Công ty TNHH MTV (từ tháng 9 đến tháng 12). Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000014 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2003, đăng ký thay đổi số 0303158155 ngày 23/08/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 24/10/2013 do Sở kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4116000275 đăng ký lần đầu ngày 23/07/2004, lĩnh vực hoạt động của Công ty là: Hoạt động in ấn: in trên giấy, bao bì, văn hóa phẩm các loại (báo chí, vé số, nhãn hàng hóa, sách giáo khoa). Kinh doanh giấy in, mực in, vật tư, phụ tùng, trang thiết bị ngành in. Sản xuất, sửa chữa, bảo trì, tân trang và kinh doanh các máy móc cơ khí ngành in. Đúc chữ, chế bản in. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm băng từ, đĩa hình như băng cassette, băng video, đĩa CD, VCD. Kinh doanh vật phẩm văn hóa các loại. Sản xuất kinh doanh các sản phẩm mỹ thuật như gỗ chạm, sơn mài, gốm sứ,... Sản xuất phim nhựa, phim video các thể loại. Hoạt động chiếu bóng và phát hành phim. Sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực nhiếp ảnh như giấy ảnh, phim chụp, máy ảnh, dịch vụ chụp hình. Xuất nhập khẩu các sản phẩm văn hóa. Hoạt động quảng cáo và dịch vụ quảng cáo. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác. Hoạt động in ấn: in tờ gấp, tờ quảng cáo, catalogue, tạp chí và các chất liệu in khác. Gia công cắt giấy cuộn. Vận chuyển máy móc thiết bị cơ khí ngành in. Mua bán trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, hàng điện tử, kim khí điện máy. Sản xuất đĩa DVD (có nội dung được phép lưu hành), linh kiện sản xuất băng, đĩa nhạc. Lắp ráp hàng điện tử, kim khí điện máy. Mua bán quần áo may sẵn trẻ em, thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ gia dụng, đồ nhựa các loại, thủy tinh các loại. Mua bán, sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm công nghệ, hóa mỹ phẩm, đồ dùng trẻ em, đồ dùng gia đình, thiết bị văn phòng. Sản xuất mua bán nhựa, hạt màu và bao bì nhựa các loại (không sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghệ, chất tẩy rửa tại trụ sở). Mua bán rượu, bia, bánh kẹo, thuốc lá điếu sản xuất trong nước. Đại lý ký gởi hàng hóa. Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại Tp.Hồ Chí Minh). Phục vụ cả phê sách – tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp – nhạc jazz và nhạc dân gian Việt Nam (hoạt động tại số 28 Lê Lợi, P. Bến Nghé, Q.1). Bán tranh hội họa. Xuất bản các xuất bản phẩm theo quyết định số 01/QĐ-BVHTT ngày 04/01/2005 của Bộ Văn Hóa Thông Tin. Thiết kế tạo mẫu. Cho thuê văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Nhà hàng ăn uống (tại số 40 Ngô Đức Kế, P. Bến Nghé, Q.1, không kinh doanh rượu).

Trụ sở chính của Công ty: 88 Trần Đình Xu, P.Cô Giang, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh..

Các chi nhánh trực thuộc:

- Công ty Xuất nhập khẩu Ngành In Tp.Hồ Chí Minh
- Công ty In Văn Hóa Sài Gòn
- Trung tâm văn hóa Tân Định
- Cây sứ quán Phong Cua
- Cửa hàng ảnh màu photo Lập
- Trung tâm dịch vụ giải trí Lê Lợi

Báo cáo tài chính chưa hợp nhất với công ty con - Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu.

2- Thông tin về tài khoản ngân hàng:

- TK USD số 6222201001057 tại Agribank (CN Quận 5)
- TK JPY số 6222201001483 tại Agribank (CN Quận 5)

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV

88 Trần Đình Xu, P.Cô Giang, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh.

• TK EUR số 6222201006832	tại Agribank (CN Quận 5)
• TK VND số 6222201132243	tại Agribank (CN Quận 5)
• TK VND số 6222201001011	tại Agribank (CN Quận 5)
• TK VND số 2011103226006	tại Mbbank (CN Bắc Sài Gòn)
• TK VND số 112.00000.535	tại Vietinbank (CN1 HCM)
• TK USD số 112.000.196616	tại Vietinbank (CN1 HCM)
• TK VND số 0687041054999	tại Bản Việt bank - Trụ sở chính
• TK VND số 0010106186710002	tại SCBbank (CN Cống Quỳnh)
• TK VND số 6222201009401	tại NH NN & PT Nông Thôn - CN Quận 5
• TK VND số 0020100000095002	tại NH TMCP Phương Đông - CN Bến Thành
• TK VND số 0010106058330001	tại SCB - CN Cống Quỳnh
• TK VND số 114000034026	tại VietinBank - CN 1
• TK VND số 102010001554168	tại VietinBank - CN Nam Sai Gòn
• TK VND số 0071000011801	tại Vietcombank Tp. HCM
• TK VND số 6222201002095	tại AgriBank - CN Quận 5
• TK VND số 6222630020781	tại AgriBank - CN Quận 5
• TK VND số 6222630021840	tại AgriBank - CN Quận 5
• TK USD số 71370314410	tại Vietcombank Bình Dương

3- Các sự kiện trong kỳ hoạt động , các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:

Không có

4- Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc tại ngày lập Báo cáo tài chính:

Các thành viên của Hội đồng Thành viên bao gồm:

- Ông: Phạm Công Nghĩa	Chủ tịch
- Ông: Trương Văn Hiền	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

- Ông: Trương Văn Hiền	Tổng Giám đốc
- Ông: Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Vũ Trọng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Nguyễn Văn Còn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm Soát đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Văn Hoạch	Kiểm soát viên
-----------------------	----------------

5- Kết quả hoạt động kinh doanh trong 06 tháng đầu năm 2017 (Đơn vị tính : VND)

- Tổng thu nhập	:	153.397.149.102
- Các khoản giảm trừ doanh thu	:	55.876.171
- Tổng chi phí và giá vốn	:	145.277.738.008
- Lãi/(lỗ) trước thuế	:	8.063.534.923
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	1.332.901.376
- Lãi/(lỗ) sau thuế	:	6.730.633.547

6- Kiểm toán viên

Chi nhánh miền Nam Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K là Công ty kiểm toán được lựa chọn và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

7- Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ hoạt động tiếp theo.

Thay mặt Ban Giám Đốc

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIỀN

Ngày 04 tháng 08 năm 2017





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K CHI NHÁNH MIỀN NAM

THANG LONG - T.D.K AUDITING & VALUATION CO.,LTD (SOUTHERN BRANCH)

Office: C14, Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3589 7462/ 63 - (84.8) 2216 4309

Email: kiemtoantdk@gmail.com

Fax: (84.8) 3589 7464

Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com.vn

Số: 12317/TDK-KT

Ngày 10 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của 06 tháng đầu năm 2017 từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 của Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV (không bao gồm số liệu của công ty con) (sau đây gọi tắt là Công ty) được trình bày từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo này chỉ mang tính soát xét.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Trụ sở chính : Sàn KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
Chi nhánh Miền Nam : C14, Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Đồng Nai : E180 Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tống, Phường Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Hà Nội : Số 97, Ngõ 141, Phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Chi nhánh Lạng Sơn : Số 319 Bà Triệu, Phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn

Tel: 04.4450 0668 Fax: 04.4450 0669

Tel: 08.3589 7462 Fax: 08.3589 7464

Tel: 061.3918 769 Fax: 061.3918 767

Tel: 0511.365 1818 Fax: 0511 365 1868

Tel: 04.3540.9439 Fax: 04.3540 9439

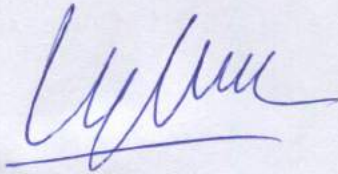
Tel: 025.3718 545 Fax: 025.3716 264

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do hạn chế từ phía Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV, chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ thư xác nhận công nợ của Công ty. Ngoài ra, chúng tôi không thể sử dụng các biện pháp thay thế khác để khẳng định tính hiện hữu của các khoản mục này tại ngày 30/06/2017. Vì vậy, chúng tôi chỉ kiểm tra tính hợp lý của các khoản mục này trên cơ sở chứng từ, sổ sách và các tài liệu liên quan do Công ty cung cấp.

Ý kiến kiểm toán viên

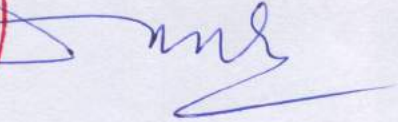
Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đã nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



LÊ QUÝ HẢI

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0457-2014-045-1



NGUYỄN VĂN DỤNG

Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc CN Miền Nam

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0346-2014-045-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm Toán & Định Giá Thăng Long - TDK



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		339.906.917.052	377.869.648.068
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	90.425.537.918	115.096.527.393
1. Tiền	111		73.925.537.918	98.596.527.393
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.500.000.000	16.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.648.330.053	150.976.312.122
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	100.295.519.600	103.604.574.665
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.202.946.640	2.980.292.356
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	39.149.863.813	44.391.445.101
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		69.698.763.290	76.955.953.991
1. Hàng tồn kho	141	V.06	69.698.763.290	76.955.953.991
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.134.285.791	34.840.854.562
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	8.671.063.370	3.095.391.577
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.913.272.696	26.102.397.163
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	3.549.949.725	5.643.065.822
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		647.115.322.558	650.730.912.713
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		71.590.545.769	76.507.895.305
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	5.231.250.000	8.001.875.025
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		32.121.653.422	32.121.653.422
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	750.000.000	800.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	33.487.642.347	35.584.366.858
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		400.282.232.562	408.440.142.928
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	400.282.232.562	408.440.142.928
- Nguyên giá	221		501.201.041.309	501.311.651.880
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222		(100.918.808.747)	(92.871.508.952)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	224		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	225		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	227	V.09	60.000.000	60.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	228		(60.000.000)	(60.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	230		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	231		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		30.412.424.962	20.727.943.668
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	30.412.424.962	20.727.943.668
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	135.670.744.648	135.670.744.648
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.854.084.002	4.854.084.002
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		114.565.470.646	114.565.470.646
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.751.190.000	15.751.190.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		500.000.000	500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.159.374.617	9.384.186.164
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	9.159.374.617	9.384.186.164
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		987.022.239.610	1.028.600.560.781

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		513.384.300.345	549.007.516.134
I. Nợ ngắn hạn	310		86.715.589.402	129.339.380.065
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	19.902.268.733	28.776.555.394
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.264.018.000	1.340.394.331
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	10.200.781	500.000
4. Phải trả người lao động	314		691.324.472	10.096.695.358
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.784.269.675	402.567.852
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4.939.077.173	1.934.234.664
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	56.854.482.749	84.013.741.732
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.269.947.819	2.774.690.734
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		426.668.710.943	419.668.136.069
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	3.534.702.196	3.534.702.196
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	418.512.008.747	410.305.433.873
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	3.622.000.000	4.828.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.000.000.000	1.000.000.000

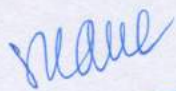
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		473.637.939.265	479.593.044.647
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	473.637.939.265	479.593.044.647
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		394.167.633.424	394.167.633.424
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		263.230.853	263.230.853
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.982.891.433	20.982.891.433
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		51.493.550.008	50.447.127.708
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.730.633.547	13.732.161.229
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		987.022.239.610	1.028.600.560.781

Kế Toán Trưởng



HUỲNH THANH TƯỜNG KHANH

Ngày 04 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIỀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	144.800.206.480	207.766.165.741
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	55.876.171	14.045.387
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		144.744.330.309	207.752.120.354
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	114.417.232.580	185.016.683.363
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.327.097.729	22.735.436.991
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	6.811.834.633	36.004.525.138
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	4.428.758.564	3.683.337.100
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.167.698.206	2.973.884.883
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	6.577.866.438	6.571.199.111
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	17.408.604.844	39.940.007.457
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.723.702.516	8.545.418.461
11. Thu nhập khác	31	VI.06	1.785.107.989	2.976.259.882
12. Chi phí khác	32	VI.07	2.445.275.582	1.832.053.482
13. Lợi nhuận khác	40		(660.167.593)	1.144.206.400
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.063.534.923	9.689.624.861
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.332.901.376	1.488.172.429
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.730.633.547	8.201.452.432

Kế Toán Trưởng



HUỖNH THANH TƯỜNG KHANH

Ngày 04 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01		132.795.954.886	213.731.039.216
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(77.926.862.186)	(111.501.580.969)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.816.058.243)	(9.724.118.268)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.955.907.117)	(1.070.247.702)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(744.214.028)	(625.434.499)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		68.081.126.661	231.902.026.864
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(95.028.556.213)	(288.555.225.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.405.483.760	34.156.459.372
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12.612.223.332)	(337.074.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		232.552.726	1.530.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(168.109.454.081)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.000.000	134.096.913.781
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	27.390.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.761.656.465	7.445.451.488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.568.014.141)	2.015.837.006
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.132.597.300
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		84.255.656.883	109.529.709.093
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(104.031.954.748)	(108.263.789.484)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.732.161.229)	(8.128.513.682)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.508.459.094)	(5.729.996.773)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(24.670.989.475)	30.442.299.605
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		115.096.527.393	83.930.569.364
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		90.425.537.918	114.372.868.969

Kế Toán Trưởng



HUỲNH THANH TƯỜNG KHANH

Ngày 04 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIỀN

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn là doanh nghiệp nhà nước (từ tháng 1 đến tháng 8/2010); là Công ty TNHH MTV (từ tháng 9 đến tháng 12). Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000014 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2003, đăng ký thay đổi số 0303158155 ngày 23/08/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 17/09/2015 do Sở kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, gia công, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh giấy in, mực in, vật tư, thiết bị ngành in, hoạt động in ấn, sửa chữa máy móc...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con: Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu

- Các công ty liên doanh, liên kết:

+ Công ty TNHH MTV Vật Phẩm Văn Hóa Sài Gòn

+ Công ty CP TT Điện Ảnh

+ Công ty CP In số 4

+ Công ty CP In số 7

+ Công ty TNHH TMDV VH Minh Châu

+ Công ty TNHH Hakuhodo - Sac

+ Công ty TNHH Hakuhodo Việt Nam

+ Công ty CP Bao Bì Vafaco

+ Công ty CP Phát hành sách Tp.HCM

+ Công ty CP In & Vật tư Sài Gòn

+ Công ty CP In Gia Định

+ Công ty CP Quảng cáo Sài Gòn

+ Công ty CP In Vườn Lài

+ Công ty CP In Hoàng Lê Kha - Tây Ninh

+ Công ty CP Mỹ Thuật Sài Gòn

+ Công ty TNHH Quả Cầu Vàng

+ Công ty CP Sách & DV VH Tây Đô

- Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

+ Công ty In Văn Hóa Sài Gòn

+ Công ty Xuất Nhập Khẩu Ngành In Tp.Hồ Chí Minh

+ Trung tâm văn hóa Tân Định

+ Cửa hàng ảnh màu photo Lập

+ Cây sứ quán Phong Cua

+ Trung tâm dịch vụ giải trí Lê Lợi

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính có thể so sánh được theo quy định của Luật kế toán hiện hành.



TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 bắt đầu từ ngày 01/01/2017 kết thúc vào ngày 30/06/2017.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

3.1. Nguyên tắc đánh giá Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền	04 - 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Các tài sản hữu hình khác	04 - 07 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

9.1. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

9.2. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

10.1. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10.2. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

158-06
HÀNH
N N A
TY TN
N VÀ ĐINH
LONG-T.1
T.P.H.Q.C

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Thẻ hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

12.2. Các bên liên quan

Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỲ KẾ TOÁN KẾT THÚC VÀO NGÀY 30/6/2017

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
- Tiền mặt bằng đồng Việt Nam	2.074.493.985	2.096.885.686
- Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam	71.379.050.430	96.007.789.591
- Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Ngoại tệ	471.993.503	491.852.116
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	16.500.000.000	16.500.000.000
- Cộng	90.425.537.918	115.096.527.393

(i) Tiền gửi Ngân hàng bằng đồng Việt Nam

TK số 6222201001011 tại Agribank (CN Quận 5)	8.846.464.577
TK số 6222201132243 tại Agribank (CN Quận 5)	51.402.828.505
TK số 112.00000.535 tại Vietinbank (CN 1 HCM)	3.043.667.619
TK số 0010106186710002 tại SCB CN Cống Quỳnh	1.137.187.290
TK số 2011103226006 tại MB bank CN Bắc Sài Gòn	75.784.450
TK số 0687041054999 tại NH Bản Việt - Trụ sở chính	4.222.349
TK số 6222201009401 tại Agribank - CN Q.5	512.945.933
TK số 0020100000095002 tại OCB - CN BT	16.742.633
TK số 0010106058330001 tại SCB - CN Cống Quỳnh	39.483.175
TK số 102010000628240 tại VietinBank	75.957.265
TK số 102010001554168 tại VietinBank	1.810.994
TK số 0071000011801 tại Vietcombank	1.643.071
TK số 6222201002095 tại AgriBank	5.920.312.569
TK số 6222630025740 tại AgriBank	300.000.000

(ii) Tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ

TK số 6222201001057 Tại Agribank (CN Quận 5)	111.397.481	#	4.330,32 USD
TK số 6222201001483 Tại Agribank (CN Quận 5)	7.050.277	#	36.224 JPY
TK số 6222201006832 Tại Agribank (CN Quận 5)	320.494.490	#	13.393 USD
TK số 112.000.196616 Tại Vietinbank (CN1 HCM)	23.345.180	#	907,49 USD
TK USD số 71370314410 tại Vietcombank	9.706.075	#	427,11 USD



**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	4.854.084.002	-	4.854.084.002	4.854.084.002	-	4.854.084.002
Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	4.854.084.002	-	4.854.084.002	4.854.084.002	-	4.854.084.002
Vốn góp liên doanh	114.565.470.646	-	114.565.470.646	114.565.470.646	-	114.565.470.646
Công ty TNHH MTV Vật Phẩm Văn Hóa Sài Gòn	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Công ty CP TT Điện Ảnh	29.095.730.646	-	29.095.730.646	29.095.730.646	-	29.095.730.646
Công ty CP In số 4	5.400.000.000	-	5.400.000.000	5.400.000.000	-	5.400.000.000
Công ty CP In số 7	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-	13.500.000.000
Công ty TNHH TMDV VH Minh Châu	4.608.000.000	-	4.608.000.000	4.608.000.000	-	4.608.000.000
Công ty TNHH Hakuodo - Sac	5.943.120.000	-	5.943.120.000	5.943.120.000	-	5.943.120.000
Công ty TNHH Hakuodo Việt Nam	3.124.500.000	-	3.124.500.000	3.124.500.000	-	3.124.500.000
Công ty CP Bao Bì Vafaco	1.890.000.000	-	1.890.000.000	1.890.000.000	-	1.890.000.000
Công ty CP Phát hành sách Tp.HCM	29.629.320.000	-	29.629.320.000	29.629.320.000	-	29.629.320.000
Công ty CP In & Vật tư Sài Gòn	4.200.000.000	-	4.200.000.000	4.200.000.000	-	4.200.000.000
Công ty CP In Gia Định	4.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Công ty CP Quảng cáo Sài Gòn	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000
Công ty CP In Vườn Lài	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Công ty CP In Hoàng Lê Kha - Tây Ninh	2.274.800.000	-	2.274.800.000	2.274.800.000	-	2.274.800.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.751.190.000	-	15.751.190.000	15.751.190.000	-	15.751.190.000
Công ty CP Mỹ Thuật Sài Gòn	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000
Công ty TNHH Quả Cầu Vàng	13.104.000.000	-	13.104.000.000	13.104.000.000	-	13.104.000.000
Công ty CP Sách & DV VH Tây Đô	2.547.190.000	-	2.547.190.000	2.547.190.000	-	2.547.190.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 15 tháng tại SCB	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Phải thu của khách hàng

3.1. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Công ty TNHH SXTM Việt Anh	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH TM Bách Tùng	10.986.490.982	14.564.468.368
Công ty CP Phát triển BĐS Hi tien Land	3.193.379.674	3.193.379.674
Công ty TNHH TM SX Kiên Thành	4.229.995.941	-
Các khoản phải thu khách hàng khác của văn phòng T	6.636.669.726	5.378.962.889
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Á Kim	2.698.155.847	2.935.903.654
Nhà Xuất Bản Giáo Dục Tại Thành Phố Hồ Chí Minh	1.241.579.413	-
Công Ty Cổ Phần In Hàng Không	1.092.863.200	2.302.826.000
Công Ty Cp Truyền Thông Ngôi Sao Thế Giới	1.105.761.700	1.014.825.175
Công Ty TNHH Quảng Cáo Phát Hành Thanh Niên	1.187.438.304	1.287.438.304
Công Ty TNHH Tm & Dv In Quảng Cáo Minh Trí	1.274.184.820	1.274.184.820
Công Ty TNHH Quảng Cáo Truyền Thông Nam Thiên	1.048.104.545	1.605.890.000
Công Ty Cổ Phần Thương Mại In Phương Nam	2.333.415.180	209.385.000
Các khoản phải thu khách hàng khác của In Văn Hóa	13.819.310.847	22.074.656.754
Công Ty TNHH Cơ Khí Ngành In An Phước Thịnh	3.160.000.000	-
Công Ty Cổ Phần In Báo Thanh Hóa (Nhà In Báo Thanh Hóa Cũ)	4.900.000.000	-
Công Ty TNHH Tm Giấy Duy Phát	1.249.947.899	407.695.662
Ban Qlduđtbtb Nâng Cao Năng Lực- Cty TNHH Mtv Báo Hải Phòng	4.710.000.000	4.710.000.000
Doanh Nghiệp Tư Nhân In Hồng Phúc	1.109.924.799	748.858.726
Cty Nguyễn Quang Huy- Cho Thuê Tc-Nhtmcptvn-Cntphcm	1.786.600.000	-
Công Ty Cp In & Dv Tm Phúc An	1.700.000.000	-
Công Ty TNHH Tân Phú Bình	1.650.000.000	-
Công Ty TNHH Nguyễn Quang Huy	1.680.385.250	-
Công Ty TNHH In Quang Minh	1.400.000.000	-
Công Ty TNHH Sx Tm Dv Bb Tân Toàn Phát	1.373.486.205	399.790.941
Công Ty TNHH Tmsx Toàn Việt	1.888.627.086	-
Công Ty Cổ Phần Vạn Thiên	1.020.555.775	440.366.643
Các khoản phải thu khách hàng khác của Primexco	17.635.214.024	37.351.647.748
Khách lẻ của TT Giải trí Lê Lợi	-	157.880.000
Khách hàng của TT Văn Hóa Tân Định	683.428.383	46.414.307
- Cộng	<u>100.295.519.600</u>	<u>103.604.574.665</u>

3.2. Phải thu của khách hàng dài hạn

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Công ty CP Sài Gòn Quê Hương	5.231.250.000	8.001.875.025
- Cộng	<u>5.231.250.000</u>	<u>8.001.875.025</u>



TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các khoản phải thu khác

4.1. Các khoản phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
- Phải thu về cổ phần hóa	170.115.269	164.940.360
- Ký cược, ký quỹ	1.553.016.277	1.364.237.000
- Tạm ứng	1.948.339.867	655.904.102
- Phải trả, phải nộp khác dư Nợ	158.083.105	157.707.195
- Phải thu khác	35.320.309.295	42.048.656.444
- Cộng	39.149.863.813	44.391.445.101

4.2. Các khoản phải thu khác dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
- Ký cược, ký quỹ	31.787.642.347	33.884.366.858
- Cho vay, cho mượn	750.000.000	800.000.000
- Phải thu khác	1.700.000.000	1.700.000.000
- Cộng	34.237.642.347	36.384.366.858

5. Nợ xấu

*** Văn phòng Tổng Công ty**

	Tại ngày 30/06/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Nợ khó đòi			
Công ty CP Xây dựng số 5	1.124.000.000		
Công ty CP PT B Đ S Hi tien Land	3.193.379.674		
Công ty CP Mai Lan	1.219.423.953		
Công ty CP CT Phương Nam	22.855.550.959		
Phải thu đối tượng khác	2.669.293.098		
- Cộng	31.061.647.684		

*** Công ty In Văn Hóa**

	Tại ngày 30/06/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Nợ không có khả năng thu hồi			
Công ty TNHH SX & TM BBVPVHXD Minh Việt Long	184.854.900		
Công ty CP Hệ Thống Lộc Tài	261.592.258		
Công ty CP DV TM & Quảng Cáo Sta	413.163.268		
Công ty TNHH MTV Trần Chung Á Châu	371.273.352		
NXB Phương Đông	154.715.500		
Công ty Prime Resources Media-->CTY TNHH V&T	339.455.602		
Phân xưởng II Đào Duy Từ 1998	168.158.000		
Phải thu khách hàng in 6	916.568.640		
khách hàng khác	1.104.364.323		
Phải thu khác 138	721.130.694		
- Cộng	4.635.276.537	-	-

38-00
 HANH
 NAM
 Y TINI
 VÀ ĐỊNH
 ONG-T.D
 .PHOC

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*** Công ty Xuất Nhập Khẩu Ngành In Tp.HCM**

	Tại ngày 30/06/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Nợ khó đòi	2.115.206.480		
Công ty TNHH Phát triển Bao Bì Đồng Dương	254.783.297		
Công ty TNHH MTV In Ấn Bao Bì Lê Gia	276.462.935		
Công ty CP In Trần Hưng	380.000.000		
Công ty TNHH TV SX TM Thủy Nguyệt	529.999.886		
Công ty TNHH MTV Thái Thắng	105.158.968		
Khách hàng khác	568.801.394		
Nợ không thể thu hồi	850.705.122		
Nguyễn Quốc Hưng	82.640.000		
DNTN Nghiệp Thuận Xương	138.850.980		
Khách hàng khác	629.214.142		
- Cộng	2.965.911.602		

6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	3.375.652.555		4.226.967.042	
- Chi phí sản xuất kinh doanh	8.584.528.654		7.851.655.538	
- Thành phẩm nhập kho	3.089.054.967		3.097.745.013	
- Giá mua hàng hóa	54.649.527.114		61.779.586.398	
- Cộng	69.698.763.290	-	76.955.953.991	-

7. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
- Mua sắm tài sản cố định	335.720.000	335.720.000
- Xây dựng cơ bản dở dang	30.076.704.962 (i)	20.392.223.668
- Cộng	30.412.424.962	20.727.943.668
(i) Chi tiết công trình xây dựng cơ bản	30.076.704.962	
Công trình 62 Trần Quang Khải	21.005.969.144	
Công trình 30-32 Yersin	3.546.299.455	
Công trình 1557 đường 3/2	4.565.063.636	
Công trình khác	959.372.727	



TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	403.907.289.883	79.125.467.449	5.982.181.469	12.296.713.079	501.311.651.880
Thanh lý, nhượng bán			(110.610.571)		(110.610.571)
Số dư cuối năm	403.907.289.883	79.125.467.449	5.871.570.898	12.296.713.079	501.201.041.309
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	35.405.314.262	41.662.092.543	4.573.683.231	11.230.418.916	92.871.508.952
Khấu hao trong năm	5.362.824.724	2.361.595.104	196.815.018	236.675.520	8.157.910.366
Thanh lý, nhượng bán			(110.610.571)		(110.610.571)
Số dư cuối năm	40.768.138.986	44.023.687.647	4.659.887.678	11.467.094.436	100.918.808.747
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	368.501.975.621	37.463.374.906	1.408.498.238	1.066.294.163	408.440.142.928
Tại ngày cuối năm	363.139.150.897	35.101.779.802	1.211.683.220	829.618.643	400.282.232.562

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	60.000.000	60.000.000
Số dư cuối năm	-	60.000.000	60.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	60.000.000	60.000.000
Số dư cuối năm	-	60.000.000	60.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-

10. Chi phí trả trước

10.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
- Các khoản khác	8.671.063.370	3.095.391.577
- Cộng	8.671.063.370	3.095.391.577

10.2. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
- Các khoản khác.	9.159.374.617	9.384.186.164
- Cộng	9.159.374.617	9.384.186.164

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

11. Vay và nợ thuê tài chính

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn Agribank	56.854.482.749	56.854.482.749	84.013.741.732	84.013.741.732
b) Vay dài hạn Agribank	3.622.000.000	3.622.000.000	4.828.000.000	4.828.000.000

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Đối tượng	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Văn phòng Tổng Công ty	1.982.811.549	1.982.811.549	5.111.089.629	5.111.089.629
Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Giấy Thuận Nam Thiên	927.740.340	927.740.340		
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14	757.455.209	757.455.209	5.111.089.629	5.111.089.629
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	297.616.000	297.616.000		
* Công ty In Văn Hóa Sài Gòn	14.075.023.033	14.075.023.033	21.169.561.634	21.169.561.634
Công ty Cp Giấy Toàn Lực	1.654.822.475	1.654.822.475	-	-
Công ty TNHH Giấy Tín Thịnh Phát	626.936.262	626.936.262	45.875.599	45.875.599
Công ty CP SX TM Mê Kông	1.009.529.590	1.009.529.590	2.157.238.743	2.157.238.743
Công ty CP Giấy Phụng Vinh Hưng	603.058.548	603.058.548	957.365.584	957.365.584
Công ty TNHH TM DV Hồ Quang Hiếu	1.141.385.850	1.141.385.850	1.603.690.000	1.603.690.000
Công ty CP KT Đồ Họa Thế Hệ Kế Tiếp	431.235.200	431.235.200	789.872.600	789.872.600
Công ty CP TM Toàn Lực	3.714.683.375	3.714.683.375	6.189.748.459	6.189.748.459
Công ty TNHH TM DV Lê Hoài Thanh	1.076.847.200	1.076.847.200	1.658.801.430	1.658.801.430
- Phải trả cho các đối tượng khác	3.816.524.533	3.816.524.533	7.766.969.219	7.766.969.219
* Công ty Xuất Nhập Khẩu Ngành In	3.061.065.151	3.061.065.151	1.984.723.131	1.984.723.131
Công ty CP SX TM Mê Kông	285.297.950	285.297.950		
Công ty TNHH PL Giấy Phú Tường Trình	365.034.384	365.034.384	699.678.044	699.678.044
Công ty CP Giấy Toàn Lực	308.101.285	308.101.285	127.731.208	127.731.208
Công ty TNHH TMDV Tân Thành Quân	1.628.000.000	1.628.000.000		-
- Phải trả cho các đối tượng khác	474.631.532	474.631.532	1.157.313.879	1.157.313.879
* Công ty TNHH MTV TT DV GT Lê Lợi	741.558.000	741.558.000	323.400.000	323.400.000
* Cửa hàng ảnh màu photo Lập	41.811.000	41.811.000		
* Cây sứ quán Phong Cua			187.781.000	187.781.000
Cộng	19.902.268.733	19.902.268.733	28.776.555.394	28.776.555.394



TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Phải thu tại 01/01/2017	Phải nộp tại 01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu tại 30/06/2017	Phải nộp tại 30/06/2017
Thuế	5.643.065.822		14.198.947.473	12.096.130.595	3.549.949.725	10.200.781
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-		4.825.216.313	4.824.739.823	-	476.490
- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-		1.478.388.128	1.478.161.228	-	226.900
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.765.741.663		2.077.115.404	744.214.028	2.432.840.287	-
- Thuế thu nhập cá nhân	85.883.590		178.508.881	83.627.900	-	8.997.391
- Thuế nhà đất	990.865.828		5.619.718.747	4.945.387.616	316.534.697	-
- Thuế vốn	800.574.741				800.574.741	
- Các loại thuế khác	-	500.000	20.000.000	20.000.000	-	500.000
Thuế môn bài	-		20.000.000	20.000.000	-	-
Thuế khác		500.000	-	-	-	500.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		6.354.638.376	6.354.638.376		-
- Các khoản phí, lệ phí	-		6.354.638.376	6.354.638.376		-
Cộng	5.643.065.822	500.000	20.553.585.849	18.450.768.971	3.549.949.725	10.200.781

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
- Các khoản trích trước khác	1.784.269.675	402.567.852
- Cộng	1.784.269.675	402.567.852

15. Phải trả khác

15.1. Phải trả khác ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
- Bảo hiểm xã hội;	271.689.802	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	702.000.000	292.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.647.358.628	1.492.229.875
- Phải thu khác dư có	2.240.800.000	150.004.789
- Cộng	4.939.077.173	1.934.234.664

15.2. Phải trả khác dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.451.100.000	5.101.100.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	413.060.908.747	405.204.333.873
- Cộng	418.512.008.747	410.305.433.873

16. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
- Doanh thu nhận trước	3.534.702.196	3.534.702.196

158-06
 HÀNH
 (NA)
 TỶ T
 VÀ ĐỊNH
 ONG-T.D
 .PHỐC

**TỔNG CÔNG TY VÂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09 - DN

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

17. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lãi (lỗ) tích lũy	Cộng
Số dư đầu năm trước	374.040.910.925	263.230.853	32.758.357.507	48.078.882.808	5.210.383.614	460.351.765.707
Tăng vốn trong năm trước	20.126.722.499					20.126.722.499
Lãi trong năm trước					43.100.090.722	43.100.090.722
Tăng khác			8.351.256.425	2.368.255.900	4.876.965.079	15.596.477.404
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước					-	-
Giảm khác			(20.126.722.499)	(11.000)	(39.455.278.186)	(59.582.011.685)
Số dư cuối năm trước	394.167.633.424	263.230.853	20.982.891.433	50.447.127.708	13.732.161.229	479.593.044.647
Số dư đầu năm nay	394.167.633.424	263.230.853	20.982.891.433	50.447.127.708	13.732.161.229	479.593.044.647
Tăng vốn trong năm nay						-
Lãi trong năm nay					6.730.633.547	6.730.633.547
Tăng khác				1.046.422.300	-	1.046.422.300
Giảm vốn trong năm nay						-
Lỗ trong năm nay					-	-
Giảm khác					(13.732.161.229)	(13.732.161.229)
Số dư cuối năm nay	394.167.633.424	263.230.853	20.982.891.433	51.493.550.008	6.730.633.547	473.637.939.265



**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Doanh thu bán hàng	144.800.206.480	207.766.165.741

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Giảm giá hàng bán	42.326.353	4.764.000
- Hàng bán bị trả lại.	13.549.818	9.281.387
- Cộng	55.876.171	14.045.387

3. Giá vốn hàng bán

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	114.417.232.580	185.016.683.363

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.855.974.333	877.074.026
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	29.154.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.885.660.300	2.583.944.201
- Lãi chênh lệch tỷ giá	70.200.000	5.664.923
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	242.581.250
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.141.260.738
- Cộng	6.811.834.633	36.004.525.138

5. Chi phí tài chính

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Lãi tiền vay	4.167.698.206	2.973.884.883
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	204.232.325	20.256.030
- Chi phí tài chính khác	56.828.033	689.196.187
- Cộng	4.428.758.564	3.683.337.100

6. Thu nhập khác

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	60.909.090	1.390.909.091
- Thu bán phế liệu	279.982.182	251.004.542
- Các khoản khác	1.444.216.717	1.334.346.249
- Cộng	1.785.107.989	2.976.259.882



**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Chi phí khác

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán	-	1.111.213.280
- Các khoản khác	2.445.275.582	720.840.202
- Cộng	2.445.275.582	1.832.053.482

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

8.1. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Chi phí nhân viên quản lý	3.739.424.664	6.182.074.445
- Chi phí vật liệu quản lý	-	22.224.711
- Chi phí đồ dùng văn phòng	25.869.694	49.875.666
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.365.834.852	6.292.435.916
- Thuế, phí và lệ phí	4.400.917.390	15.742.607.432
- Chi phí dự phòng	56.192.764	8.000.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.182.210.227	1.802.332.899
- Chi phí bằng tiền khác	1.638.155.253	1.865.456.388
- Hoàn nhập dự phòng	-	(17.000.000)
- Cộng	17.408.604.844	39.940.007.457

8.2. Các khoản chi phí quản lý bán hàng phát sinh trong kỳ

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Chi phí nhân viên	2.709.748.901	1.746.448.564
- Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	9.182.548	12.104.749
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.573.415	84.783.567
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	601.171.885	664.046.969
- Chi phí bảo hành	409.381.182	1.126.015.816
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.143.932.047	2.297.229.830
- Chi phí bằng tiền khác	692.876.460	640.569.616
- Cộng	6.577.866.438	6.571.199.111

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.219.655.530	187.984.612.095
- Chi phí nhân công	8.202.723.411	9.949.478.387
- Chi phí khấu hao TSCĐ	8.157.910.366	9.081.385.167
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.537.615.502	6.674.048.370
- Chi phí khác bằng tiền	13.569.837.583	26.212.214.184
- Cộng	135.687.742.392	239.901.738.203

19158-Q
HÌNH HÃNH
TÊN NA
CÔNG TY TNHH
TỔNG VÀ Đ
NG LONG-T
P-T. PHO

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.332.901.376	1.488.172.429

Kế Toán Trưởng



HUỲNH THANH TƯỜNG KHANH

Ngày 04 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIỀN



TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CT TNHH MTV

Địa chỉ: 88 Trần Đình Xu, P.Cô Giang, Q.1, TP.HCM

Tel: Fax:

Mẫu số 01- Phụ lục 1B

BÁO CÁO CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

6 THÁNG 2017

D : ghi số dư các khoản mục, P : Ghi số phát sinh trong kỳ báo cáo

(Ban hành kèm theo Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của BTC)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay Số cuối kỳ	Năm trước Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi	110	D (đồng)	38,662,835,823	38,844,835,823
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	111	P (đồng)		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	112	P (đồng)	-	
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước	120	D (đồng)	56,854,482,749	84,013,741,732
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	121	D (đồng)	56,854,482,749	84,013,741,732
b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn còn lại	122	D (đồng)	-	
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài	130	D (đồng)	-	-
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	131	D (đồng)	-	
b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác còn lại	132	D (đồng)	-	
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước	140	D (đồng)	3,622,000,000	4,828,000,000
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	141	D (đồng)	3,622,000,000	4,828,000,000
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	142	D (đồng)	-	
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước	143	D (đồng)	-	
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	144	D (đồng)	-	
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài	150	D (đồng)	-	-
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	151	D (đồng)	-	
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	152	D (đồng)	-	
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	153	D (đồng)	-	
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	154	D (đồng)	-	
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	155	D (đồng)	-	
6. Vốn điều lệ	200	D (đồng)	416,123,000,000	416,123,000,000
a) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ nguồn Ngân sách Nhà nước	210	P (đồng)	-	
b) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ HTSX & PTĐN	220	P (đồng)	-	
c) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ HTSX của Công ty mẹ	230	P (đồng)	-	
d) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Quỹ ĐTP	240	P (đồng)	-	
đ) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ Lợi nhuận sau thuế không phải nộp NSNN	250	P (đồng)	-	
e) Nguồn bổ sung Vốn điều lệ từ việc nhận chuyển giao từ nơi khác	260	P (đồng)	-	
7. Thuế và các khoản phải nộp NSNN	300	P (đồng)	24,391,099,793	106,920,105,969
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	310	P (đồng)	14,249,981,408	41,222,886,442
- Thuế GTGT	311		-	
+ Số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	312	P (đồng)	-	287,094,882
+ Số thuế GTGT đã nộp trong kỳ	313	P (đồng)	-	287,094,882
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	314		-	
+ Số thuế Tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong kỳ	315	P (đồng)	-	
+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp trong kỳ	316	P (đồng)	-	
- Thuế TNDN	317		-	
+ Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	318	P (đồng)	2,077,115,404	298,739,280
+ Số thuế TNDN đã nộp trong kỳ	319	P (đồng)	744,214,028	2,731,219,039
- Các loại thuế khác, thu NSNN khác	320		-	
+ Số thuế, thu NSNN khác phải nộp trong kỳ	321	P (đồng)	12,172,866,004	40,637,052,280
+ Số thuế, thu NSNN khác đã nộp trong kỳ	322	P (đồng)	11,403,653,892	40,796,636,926
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK	330	P (đồng)	6,303,604,441	47,875,423,966
- Thuế XNK	331		-	
+ Số thuế XNK phải nộp trong kỳ	332	P (đồng)	1,478,388,128	25,481,526,100
+ Số thuế XNK đã nộp trong kỳ	333	P (đồng)	1,478,161,228	25,481,526,100
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	334		-	
+ Số thuế GTGT hàng NK phải nộp trong kỳ	335	P (đồng)	4,825,216,313	22,393,897,866

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay Số cuối kỳ	Năm trước Số đầu kỳ
+ Số thuế GTGT hàng NK đã nộp trong kỳ	336	P (đồng)	4,824,739,823	22,393,897,866
- Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	337		-	
+ Số thuế TTĐB hàng NK phải nộp trong kỳ	338	P (đồng)	-	
+ Số thuế TTĐB hàng NK đã nộp trong kỳ	339	P (đồng)	-	
- Thuế GTGT hàng xuất khẩu	340		-	
+ Số thuế GTGT hàng XK phải nộp trong kỳ	341	P (đồng)	-	
+ Số thuế GTGT hàng XK đã nộp trong kỳ	342	P (đồng)	-	
- Thuế TTĐB hàng xuất khẩu	343		-	
+ Số thuế TTĐB hàng XK phải nộp trong kỳ	344	P (đồng)	-	
+ Số thuế TTĐB hàng XK đã nộp trong kỳ	345	P (đồng)	-	
c) Lợi nhuận nộp NSNN (theo Nghị định 204)	350		3,837,513,944	17,821,795,561
- Lợi nhuận phải nộp NSNN	351	P (đồng)	3,837,513,944	17,821,795,561
- Lợi nhuận đã nộp NSNN	352	P (đồng)	13,732,161,229	11,926,334,002
8. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyên năm sau	360	D (đồng)	297,765,000	8,089,595,407
9. Doanh thu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích	400	P (đồng)		
10. Người quản lý doanh nghiệp	500			
a) Tổng số Người quản lý doanh nghiệp	510	D (người)	-	
- Người quản lý doanh nghiệp chuyên trách	511	D (người)	8	7.25
- Người quản lý doanh nghiệp không chuyên trách	512	D (người)	1	1
b) Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý doanh nghiệp	520			
- Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch	521	P (đồng)	2,671,000,000	3,216,000,000
- Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện	522	P (đồng)	903,275,193	3,317,080,000
Thu nhập bình quân của Người quản lý doanh nghiệp	523	P (đồng)	25,281,597	37,129,000
11. Người lao động	600			
a) Tổng số Người lao động	610	D (người)	248	268
b) Quỹ tiền lương của Người lao động	620			
- Quỹ tiền lương kế hoạch	621	P (đồng)	23,506,000,000	24,912,000,000
- Quỹ tiền lương thực hiện	622	P (đồng)	6,878,530,483	25,811,532,000
c) Thu nhập bình quân của Người lao động	623	P (đồng)	8,248,785	8,698,800
12. Số dư đầu tư vào Công ty chứng khoán	710	D (đồng)	-	
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ	711	P (đồng)		
b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	712	P (đồng)		
b) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty chứng khoán trong kỳ	713	P (đồng)	-	
13. Số dư đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ	720	D (đồng)	-	
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ	721	D (đồng)	-	
b) Thoái vốn đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	722	P (đồng)	-	
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Lĩnh vực bất động sản trong kỳ	723	P (đồng)	-	
14. Số dư đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP	730	D (đồng)	-	
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP trong kỳ	731	P (đồng)	-	
b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty tài chính, ngân hàng TMCP trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	732	P (đồng)	-	
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty tài chính, Ngân hàng TMCP trong kỳ	733	P (đồng)	-	
15. Số dư đầu tư vào Quỹ đầu tư	740	D (đồng)	-	
a) phát sinh tăng đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ	741	P (đồng)	-	
b) Thoái vốn đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	742	P (đồng)	-	
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Quỹ đầu tư trong kỳ	743	P (đồng)	-	
16. Số dư đầu tư vào Công ty bảo hiểm	750	D (đồng)	-	
a) Phát sinh tăng đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ	751	P (đồng)	-	
b) Thoái vốn đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ (giá trị ghi trên sổ sách kế toán)	752	P (đồng)	-	

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay Số cuối kỳ	Năm trước Số đầu kỳ
c) Số tiền thu từ thoái vốn đầu tư vào Công ty bảo hiểm trong kỳ	753	P (đồng)	-	
17. Tổng Doanh thu kế hoạch	810	P (đồng)	495,606,000,000	450,541,000,000
18. Lợi nhuận kế hoạch trước thuế TNDN	820	P (đồng)	29,813,000,000	29,143,000,000
19. Thuế và các khoản phải nộp NSNN kế hoạch	830	P (đồng)	44,143,000,000	36,120,000,000
20. Tổng kim ngạch	1000	P (nghìn USD)	-	
a) Kim ngạch xuất khẩu	1110	P (nghìn USD)	-	
b) Kim ngạch nhập khẩu	1120	P (nghìn USD)	2,089	8,887
21. Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài	1200	D (nghìn USD)	-	
a) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn chủ sở hữu của DN	1210	D (nghìn USD)	-	
- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn CSH của doanh nghiệp trong năm	1211	P (nghìn USD)	-	
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn CSH của doanh nghiệp trong năm	1212	P (nghìn USD)	-	
b) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước	1220	D (nghìn USD)	-	
- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước trong năm	1221	P (nghìn USD)	-	
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động trong nước trong năm	1222	P (nghìn USD)	-	
c) Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài	1230	D (nghìn USD)	-	
- Đầu tư thêm ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài trong năm	1231	P (nghìn USD)	-	
- Thoái vốn đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn huy động nước ngoài trong năm	1232	P (nghìn USD)	-	
22. Tổng số thu hồi vốn đầu tư ra nước ngoài	1300	P (nghìn USD)	-	
a) Thu hồi vốn đầu tư	1310	P (nghìn USD)	-	
b) Lợi nhuận, cổ tức	1320	P (nghìn USD)	-	

Kế toán trưởng *Vhg*

maul

Nguyễn Thanh Tường Khanh

TP HCM, Ngày 10 tháng 8 năm 2017
Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIỀN